

B án số: **83/2020/HC-PT**

Ngày: 25 - 6 - 2020

V/v: “*Khiếu kiện yêu cầu hủy  
quyết định hành chính*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Công Thi**

*Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Tấn Long**

Ông **Nguyễn Xuân Điền**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Hoàng Hải An**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

*- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Ông **Lê Văn Thành** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 143/2020/TLPT-HC ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính*”.

Do B án hành chính sơ thẩm số 36/2019/HC-ST ngày 26-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1045/2020/QĐ-PT, ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Ông Phan Văn T, sinh năm: 1960; Trú tại: Tổ 28A phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của Phan Văn T:* Ông Phan Văn K; trú tại: 311 N, tổ 28A phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng (Theo giấy ủy quyền ngày 24/5/2019). Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Văn T:* Ông Vũ Cát T – Luật sư của Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

**\* Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Trung C (Theo Giấy ủy quyền số 3439/UQ-UBND ngày 27/5/2019). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Trần Văn P – Chuyên viên Chi cục quản lý đất đai thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: quận S, thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Hoàng C T, chức vụ: Phó chủ tịch UBND quận S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:***

1. Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1967. HKTT: quận S, thành phố Đà Nẵng, địa chỉ liên lạc: K331/26, đường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Ông Lê Văn A, sinh năm 1938, địa chỉ: K331/26, đường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Phan Thị C, sinh năm: 1941, trú tại: quận S, TP. Đà Nẵng. Có mặt.

4. Ông Phan Văn K, sinh năm: 1948, trú tại: 311 N, tổ 28A phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

5. Ông Phan Văn T1, sinh năm: 1949, trú tại: tổ 33 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

6. Ông Phan Văn T2, sinh năm: 1958, trú tại: 315 N, tổ 28B phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

7. Bà Phan Thị U, sinh năm: 1962, trú tại: Tổ 28B phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị C, ông Phan Văn T1, ông Phan Văn T2, bà Phan Thị U:* Ông Phan Văn K (Theo Giấy ủy quyền ngày 24/5/2019).

8. Ông Đặng Văn R, trú tại: phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

9. Bà Huỳnh Thị N, trú tại tổ 30 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

10. Ông Trương Ngọc T, trú tại 35 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
11. Ông Nguyễn Xuân T, trú tại 35 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
12. Bà Phan Nguyễn Thúy Q, trú tại 35 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
13. Bà Phan Nguyễn Thị Thùy T, trú tại 35 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
14. Ông Nguyễn Hữu V, trú tại 35 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
15. Bà Huỳnh Thị N, trú tại 35 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
16. Ông Phan Văn T, sinh năm 1952, trú tại tổ 32, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.
17. Bà Phan Thị L, sinh năm 1958, trú tại tổ 33, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.
18. Bà Phan Thị T, trú tại tổ 33, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.
19. Ông Phan Văn C, sinh năm 1970, trú tại tổ 33, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.
20. Bà Phan Thị T, sinh năm 1954, trú tại tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.
21. Bà Phan Thị B, sinh năm 1965, trú tại tổ 33, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.
22. Bà Lê C Huy Nữ Diễm T, địa chỉ: K331/26, đường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo B án sơ thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau: Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn T là ông Phan Văn K trình bày:***

- Về nguồn gốc đất: Cổ tổ của dòng họ ông đến nơi đây lập nghiệp vào đầu thế kỷ XVII khai hoang nhiều ruộng đất, xây dựng nhà ở, sản xuất nông nghiệp nuôi sống gia đình. Sau khi quá vãng để lại cho hai con trai là ông Phan Văn T và Phan Văn N nhiều đám đất chung. Gia đình cha mẹ ông đông con nhiều cháu, sinh sống bằng nghề nông cùng nhau canh tác sản xuất để có kinh tế

nuôi sống gia đình. Trong đó có đám đất T, hướng đông là bờ rào ấp chiến lược của ngụ, phía nam bao bọc hàng tre và ấp chiến lược, phía tây bờ đất ranh giới nhà vườn ông Phan Văn B, hướng bắc bờ bụi, cồn cát, xa hơn có đám đất của ông Nguyễn Văn Đ (c). Giáp ranh giữa 03 đám đất có 01 ao tưới nước chung phục vụ nông nghiệp, ông bà ông sử dụng hơn 200 năm, cha chú ông bảo quản sản xuất nông nghiệp hơn 50 năm ở chế độ cũ. Sau năm 1975 cha chú ông phá bỏ bờ rào ấp chiến lược ở phía hướng đông, sau đó nhà nước thu hồi một phần đất để làm đường sắt. Diện tích chung còn lại 682m<sup>2</sup>: Ông Phan Văn N là 373m<sup>2</sup>, ông Phan Văn T là 309m<sup>2</sup> hai anh em ruột tự phân ranh giới sản xuất, nộp sản lượng và làm nghĩa vụ thuế nông nghiệp hàng năm. Trong nhiều năm sản xuất chính trên đất di sản ông bà để lại, cha chú ông mỗi gia đình được Tập đoàn sản xuất nông nghiệp đo đạc cụ thể, cán bộ hướng dẫn điền đủ thông tin theo mẫu số “03A/TNN tờ khai diện tích canh tác ruộng đất của hộ” ông Phan Văn N tổ 28 Tân Lập, M. Ngày 23/4/1990 UBND phường M duyệt cấp ngày 28/8/1990 TM.UBND phường M, Phó Chủ tịch và Trưởng ban thuế nông nghiệp phường ký tên đóng dấu. UBND phường M cấp: “Sổ nông nghiệp gia đình số 108” họ và tên chủ hộ Phan Văn N, trong sổ: Phần 1 diện tích ruộng đất nông bộ quản lý và bộ thuế nông nghiệp năm 1992, biên lai thu thuế nông nghiệp và các phụ thu khác liên tục từ năm 1976 đến năm 1996. Nhiều năm sản xuất gia đình ông khai phá bờ bụi, cồn cát, lấp hố rác, san lấp mặt bằng được 112m<sup>2</sup> (16x7) đất. Việc khai hoang này được các hộ dân có đất liền kề và Tổ trưởng tổ dân phố 28, Phan Văn Cư phường M xác nhận.

Năm 1993, do hoàn cảnh khó khăn, cha ông là Phan Văn N 84 tuổi không còn khả năng trực tiếp lao động, làm đơn xin chuyển nhượng 112m<sup>2</sup> đất đó lại cho cháu Đặng Văn R (bộ đội chiến trường K trở về) gia đình ông chỉ nhận 2 triệu tiền công lao động, được tổ dân phố 28 xác thực, chuyển đơn đến Chủ nhiệm Tập đoàn sản xuất nông nghiệp và Lãnh đạo UBND phường M đồng ý, cháu R làm thủ tục theo hướng dẫn, xây nhà ở ổn định.

- Về việc xây móng mới nới rộng diện tích xảy ra tranh chấp đất: Cuối năm 1993 chú ông là Phan Văn T già yếu hoàn cảnh khó khăn 82 tuổi không còn khả năng trực tiếp lao động. Ông Lê Văn A ở tổ 29 phường M đến liên hệ giao dịch được gia đình chú ông đồng ý. Ông Lê Văn A viết giấy thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất 210m<sup>2</sup> (15x14 có vẽ sơ đồ) cho ông Nguyễn Hữu L công tác ở số 02 P Đà Nẵng và bà Lê C Huy Nữ Diễm T (con gái ông Lê Văn A) tổ trưởng tổ dân phố 28, cán bộ địa chính, tập đoàn sản xuất nông nghiệp và

UBND phường M có bút phê đồng ý, quyền chủ tịch ký tên đóng dấu. Năm 1994 ông L phá bỏ ranh giới cũ, xây móng làm ranh giới mới nói rộng diện tích lên hơn 309m<sup>2</sup> đất lấn chiếm sang đất nông nghiệp của gia đình ông hơn 100m<sup>2</sup>, em trai ông Phan Văn T, Phan Văn T2, Phan Văn T1 (lao động chính nuôi dưỡng cha mẹ ông) làm đơn khiếu nại gửi UBND phường M, nhiều lần UBND phường mời gia đình ông mang theo các giấy tờ liên quan hợp lệ đến UBND phường M để có cơ sở giải quyết tranh chấp đất. Ông L, bà T không đến tham dự, ông Lê Văn A tự nhận ông Nguyễn Hữu L là con rể đến dự xuất trình giấy thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất nói trên, cán bộ UBND phường phối hợp các đại diện ban ngành phân tích hòa giải, ông A không đồng ý. Ngày 30/12/1994 UBND phường M lập đoàn kiểm tra đến tại hiện trường đo vẽ cụ thể, lập biên bản các bên liên quan đồng ý xác nhận. UBND phường thông báo buộc ông Nguyễn Hữu L phải tháo dỡ bờ móng xây dựng trái phép, ông L không chấp hành, vụ việc chuyển đến UBND thành phố Đà Nẵng. Lập biên bản và ban hành quyết định số 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996 xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Ngày 26/4/1996, Ban địa chính thành phố có buổi làm việc, ông Đoàn Văn Đức chủ trì, bà Phạm Thị Hương thư ký, ghi chép biên bản không đúng thực tế, thiếu khách quan, sai luật, cụ thể ông Nguyễn Điền không phải là đại diện hợp tác xã nông nghiệp (phường M chưa có hợp tác xã nông nghiệp). Ông Lê Văn A ở vị trí (bị đơn) là không đúng vì gia đình ông không khiếu nại ông A, ông L không xuất trình giấy thỏa thuận chuyển quyền sử dụng 210m<sup>2</sup>, nhưng khi ông T mở móng việc phân chia ranh giới không rõ ràng. Xuất phát từ biên bản có nhiều điểm không hợp lý này, Ban địa chính thành phố Đà Nẵng báo cáo, tham mưu, ngày 27/11/1996 UBND thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định số 2273/QĐ-UB, ngày 02/12/1996 ông T ký nhận quyết định tại UBND phường M, gia đình ông T xem xét nhận thấy quyết định trên có nhiều điểm không hợp lý sai thực tế:

Một là, quyết định này được ban hành trên cơ sở đơn khiếu nại của ông T và của ông Nguyễn Hữu L đối với hành vi lấn chiếm đất trái phép của ông L như tên gọi của quyết định thế nhưng toàn bộ nội dung quyết định lại đánh giá việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cha ông T cho ông Đặng Văn R vào ngày 13/10/1993. Hai là, đặt trường hợp giải quyết thì kết quả phải là áp dụng các hình thức xử lý đối với chính diện tích 112m<sup>2</sup> đất đã được chuyển nhượng cho ông Đặng Văn R, đằng này trong quyết định lại giao Ban địa chính thành phố

lập thủ tục trình UBND tỉnh ra quyết định thu hồi lô đất có diện tích 651m<sup>2</sup> đất. Riêng lô đất đã được chuyển nhượng cho ông Đặng Văn R thì UBND thành phố Đà Nẵng cũ lại thu tiền sử dụng đất và gia đình ông R xây nhà ở ổn định hợp pháp đến nay. B là, dựa trên nội dung quyết định này có thể khẳng định quyết định số 2273/QĐ-UB không phải là quyết định thu hồi đất bởi không có căn cứ thu hồi đất theo quy định tại Điều 26 Luật đất đai năm 1993 cùng với đó là không theo trình tự, thủ tục khi thu hồi đất được quy định cụ thể tại Điều 28 Luật đất đai năm 1993: Không thông báo cho người đang sử dụng biết lý do thu hồi, thời gian, kế hoạch di chuyển, phương án đền bù thiệt hại. Nhận định này cũng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng, UBND quận S thể hiện trong các công văn giải quyết. Mặt khác, cha ông T là Phan Văn N là hội viên hội nông dân không phải là xã viên hợp tác xã nông nghiệp, thửa đất có diện tích 682m<sup>2</sup> là di sản của ông bà ông T để lại cho cha ông T 373m<sup>2</sup> và chú ông T là ông Phan Văn T 309m<sup>2</sup> ông đã trình bày cụ thể trên không phải là đất của Tập đoàn sản xuất nông nghiệp giao khoán.

Có thể khẳng định Quyết định 2273 nói trên có nhiều nội dung trái với thực tế khách quan và trái với quy định của pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông gia đình ông T. Nhiều lần gia đình ông T liên hệ với UBND phường M xin tiếp tục nộp tiền thuế nông nghiệp phần diện tích đất nông nghiệp 373m<sup>2</sup> tại tổ 28 phường M, cán bộ thuế hướng dẫn gia đình ông T trực tiếp đến Chi cục thuế quận S. Ngày 04/7/1998 ông T đến Chi cục thuế quận S xin tiếp tục nộp tiền thuế đất nông nghiệp diện tích 373m<sup>2</sup> theo số liệu ghi trong sổ thuế nông nghiệp gia đình, cán bộ thuế chưa chấp nhận lập biên bản vi bằng, gia đình ông T chờ lãnh đạo UBND thành phố xem xét giải quyết.

Trong thời gian chờ đợi, gia đình ông T dựng trụ ciment dây kẽm gai rào quanh đám đất theo sơ đồ và biên bản của Đoàn kiểm tra UBND phường M lập ngày 30/12/1994, gia đình ông T tiếp tục sản xuất nông nghiệp (trồng khoai, hành, rau muống trên thửa đất đó). Năm 2013, có thông báo thửa đất nông nghiệp gia đình ông T đang sản xuất bị giải tỏa một phần khoảng 20m<sup>2</sup> làm lề đường theo quy hoạch, anh em ông T đến tháo gỡ dây kẽm gai, trụ ciment giao phần đất bị giải tỏa cho ban quản lý Bạch Đằng Đông được hỗ trợ hoa màu 3.000.000đ. Chứng minh cho việc sử dụng đất liên tục, ổn định từ trước đến nay:

- Ngày 24/10/2014 UBND quận S có Báo cáo số 199/BC-UBND, nội dung có đoạn: *“Tuy nhiên, Ban địa chính thành phố chưa lập hồ sơ để trình UBND tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng ban hành quyết định thu hồi lô đất trên.*

*Ông Phan Văn T, hộ ông Lê Văn A vẫn tiếp tục sử dụng lô đất trên vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ năm 1996 đến nay”. Báo cáo có đoạn:*

*- Trong thời gian chờ chủ trương của UBND thành phố, giao UBND phường M tiếp tục quản lý lô đất trên”.*

Xuất phát từ báo cáo này, UBND phường M không cho gia đình ông T tiếp tục sản xuất nông nghiệp như trước, gây khó khăn cho gia đình ông. Vào khoảng tháng 6/2016 thửa đất của hai gia đình ông T bị đổ tạp chất ciment, rác, gạch đá, bị số hộ dân che chắn chứa đồ đạc, tạo lối đi; nhiều lần ông T báo cáo với UBND phường M về việc ô nhiễm trên, nhưng không được quan tâm giải quyết. Từ báo cáo số 199 của UBND quận S này UBND thành phố ban hành công văn số 4330/UBND-NCPC ngày 10/6/2015 nội dung công văn giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng chủ trì phối hợp UBND quận S đo vẽ phần diện tích đất còn lại sau khi giải tỏa một phần theo quy hoạch, không có chỉ đạo xóa bỏ sơ đồ thửa đất số 132, thửa đất 138, tờ bản đồ 17 có tổng diện tích 682m<sup>2</sup> tại tổ 28 phường M, thế vào đó là thửa số 32 tờ bản đồ số 20 tổ 28 phường M vừa mới đo vẽ ngày 24/11/2015 (sau khi ông Phan Văn T2 gửi đơn trình bày kiến nghị đến UBND thành phố ngày 18/9/2015). Ngày 18/9/2015 ông Phan Văn T2 (anh ruột ông T) làm đơn trình bày và kiến nghị gửi UBND thành phố Đà Nẵng, đến ngày 25/3/2016, ông Phan Văn K và Phan Văn T2 đến Văn phòng UBND thành phố được cô Thảo cho ông T2 ký nhận công văn số 10249/UBND-NCPC ban hành ngày 24/12/2015 của UBND thành phố, công văn bị chậm mất 91 ngày. Từ ngày 30/4/2016, ông Phan Văn T2 (con ông Phan Văn N) làm đơn khiếu nại gửi HĐND, UBND, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng, HĐND, UBND, phòng Tài nguyên và Môi trường quận S xem xét giải quyết đúng pháp luật. Ngày 06/6/2017, tại Văn phòng tiếp dân thành phố Đà Nẵng, ông Phan Văn K có nhận được công văn 3894/UBND-STNMT, ngày 27/5/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc xử lý đơn của gia đình, nội dung công văn đề cập đến: Dựa trên quyết định 2273/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số thửa đất số 32, tờ bản đồ số 20, diện tích 483 m<sup>2</sup>, phường M để giao Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố quản lý và tổ chức đấu giá.

Tại phiên tòa sơ thẩm, xin rút yêu cầu hủy Quyết định số 2273/QĐ-UB ngày 27 tháng 11 năm 1996 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) về việc giải quyết đơn của ông Phan Văn T và đơn của ông Nguyễn Hữu L đối với nội dung liên quan đến việc giải quyết 112m<sup>2</sup> đất đã chuyển nhượng cho ông

Đặng Văn R và rút yêu cầu hủy Quyết định số 8315/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2013 của UBND thành phố Đà Nẵng. Yêu cầu Tòa án hủy:

- Quyết định số 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) về việc giải quyết đơn của ông Phan Văn T và ông Nguyễn Hữu L tại tổ 28 phường M liên quan đến phần đất tranh chấp có khiếu nại.

- Hủy một phần Quyết định số 3875/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi thửa đất số 32, tờ bản đồ số 20, phường M diện tích 483m<sup>2</sup> đất loại ODT tọa lạc tại tổ 28 phường M đối với nội dung liên quan đến phần đất hộ ông sử dụng và đã đăng ký kê khai trong sổ mục kê, bản đồ địa chính.

***\* Tại văn bản số 6445/UBND-STNMT gửi Tòa án người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình bày:***

Phần diện tích đất ông Phan Văn T có đơn khiếu nại trước đây là đất nông nghiệp, do tập đoàn sản xuất nông nghiệp phường quản lý và giao khoán cho các hộ sử dụng. Năm 1996 ông Phan Văn T (em ông Phan Văn T2) và ông Nguyễn Hữu L (con rể ông Lê Văn A) xảy ra tranh chấp đất và được UBND TP Đà Nẵng (cũ) giải quyết tại Quyết định 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996, nội dung:

*“Điều 1: Không chấp nhận đơn khiếu nại tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Phan Văn T và ông Nguyễn Hữu L đối với lô đất nông nghiệp do tập đoàn sản xuất nông nghiệp phường quản lý và giao khoán diện tích 763m<sup>2</sup> tại tổ 28 phường M.*

*Điều 2: Giao Ban địa chính thành phố lập thủ tục trình UBND tỉnh ra quyết định thu hồi lô đất có diện tích 651m<sup>2</sup> và giao cho UBND thành phố tổ chức khai thác quỹ đất.*

*- Thu tiền sử dụng đất diện tích 112m<sup>2</sup> đối với hộ ông Đặng Văn R theo quy định tại Nghị định 60/CP ngày 05/7/1994 và Nghị định 45/CP ngày 03/8/1996 của Chính phủ”.*

Đến năm 2015, Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng có C văn số 1336/UBND-NCPC ngày 25/02/2015 và C văn số 4330/UBND-NCPC ngày 10/6/2015 giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND quận S đo đạc cụ thể phần diện tích còn lại để giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố quản lý.

Ngày 24/12/2015, Chủ tịch UBND thành phố có C văn số 10249/UBND-NCPC về việc xử lý đơn của ông Phan Văn T2 với nội dung việc ông T2 xin nộp thuế và đăng ký quyền sử dụng đất đối với lô đất trên là không có cơ sở giải



quyết vì Quyết định số 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996 của UBND thành phố (cũ) đã có hiệu lực pháp luật.

Ngày 16/6/2016, UBND thành phố ban hành Quyết định số 3875/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 32, tờ bản đồ số 20, phường M, giao Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý và tổ chức đấu giá theo quy định.

Ngày 18/7/2016, ông Phan Văn T2 ủy quyền cho ông Phan Văn K thay mặt ông T2 để khiếu nại C văn số 10249/UBND-NCPC ngày 24/12/2015.

Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố có Thông báo số 04/TB-UBND ngày 11/01/2017 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại vì đã hết thời hiệu khiếu nại đối với C văn số 10249/UBND-NCPC ngày 24/12/2015.

Qua nội dung trên, UBND thành phố nhận thấy:

1. Tại Biên bản làm việc giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với UBND phường M ngày 23/4/2018 thì ông Phan Văn N đã chết ngày 04/3/1995 và thông tin ông T đã chết trước năm 2005, do đó việc ông N kê khai thửa đất số 138, tờ bản đồ số 17, diện tích đất 311m<sup>2</sup> và ông T kê khai thửa đất số 132, tờ bản đồ số 17, diện tích đất 399,9m<sup>2</sup> là không đúng quy định.

Theo xác nhận của UBND phường M (tại công văn số 315/UBND ngày 02/5/2018): *“Sau khi có Quyết định giải quyết khiếu nại số 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996 của UBND thành phố Đà Nẵng, khu đất nói trên được con cháu ông Phan Văn N và ông Phan Văn T tiếp tục sản xuất hoa màu đến năm 2014 thì bỏ hoang, đồng thời khu đất này đến nay do Nhà nước quản lý”*.

2. Do Quyết định giải quyết tranh chấp số 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996 của UBND thành phố Đà Nẵng (cũ) đã có hiệu lực pháp luật nên UBND thành phố ban hành Quyết định số 3875/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 về việc thu hồi thửa đất số 32, tờ bản đồ số 20, diện tích 483 m<sup>2</sup>, phường M để giao Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố quản lý và tổ chức đấu giá là có cơ sở và đúng thẩm quyền tại Điều 66 Luật đất đai năm 2013.

Việc thực hiện kiểm định, bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân nếu có tài sản, vật kiến trúc và cây cối hoa màu trên đất (nếu hợp pháp) sẽ được thực hiện theo quy định.

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Phan Văn T về yêu cầu hủy: Quyết định số 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) về việc giải quyết đơn của ông Phan Văn T và ông Nguyễn Hữu L tại tổ 28, phường M; Hủy một phần Quyết

định số 3875/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi thửa đất số 32, tờ bản đồ số 20, phường M diện tích 483m<sup>2</sup> đất loại ODT tọa lạc tại tổ 28 phường M; Hủy Quyết định số 8315/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2013 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất tổ chức giao cho Ban Quản lý dự án công trình Bạch Đằng Đông để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Lô B1 và B2 khu phố chợ M đồng thời giữ nguyên các quyết định trên.

Sau khi nhận Thông báo thụ lý bổ sung, UBND thành phố Đà Nẵng không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp các tài liệu chứng cứ gì.

***\* Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng là ông Trần Văn Phúc trình bày:***

Thông nhất với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Nguồn gốc đất trước đây là đất nông nghiệp do Tập đoàn sản xuất nông nghiệp giao khoán cho ông Phan Văn N, ông Phan Văn T. Sau này hai bên là ông Phan Văn T và ông Nguyễn Hữu L có tranh chấp thì UBND thành phố Đà Nẵng đã giải quyết theo Quyết định số 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996. Dựa trên quyết định giải quyết khiếu nại, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ra Quyết định thu hồi đất số 3875/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng. Các cơ quan có thẩm quyền đang kiểm định các nội dung liên quan đến việc thu hồi đất trên. Thửa đất số 32 tờ bản đồ số 20 phường M là đất của tổ chức nên thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất của UBND thành phố Đà Nẵng là đúng. Tại thời điểm kê khai năm 2005, ông Phan Văn N đã chết không ai kê khai, việc tên ông Phan Văn N và ông Phan Văn T đứng tên trong sổ mục kê là để quản lý, sổ mục kê không có giá trị. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Phan Văn T.

***\* Tại các văn bản gửi Tòa án, quá trình tham gia tố tụng người bị kiện Ủy ban nhân dân quận S trình bày:***

Ông Phan Văn T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) về việc giải quyết đơn của ông Phan Văn T và ông Nguyễn Hữu L xảy ra tranh chấp đã được UBND thành phố (cũ) giải quyết tại Quyết định số 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996, với nội dung:

*“Điều 1: Không chấp nhận đơn khiếu nại tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Phan Văn T và ông Nguyễn Hữu L đối với lô đất nông nghiệp do tập*

*đoàn sản xuất nông nghiệp phường quản lý và giao khoán diện tích 763m<sup>2</sup> tại tổ 28 phường M.*

*Điều 2: Giao Ban địa chính thành phố lập thủ tục trình UBND tỉnh ra quyết định thu hồi lô đất có diện tích 651m<sup>2</sup> và giao cho UBND thành phố tổ chức khai thác quỹ đất.”*

Ngày 16/6/2016, UBND thành phố ban hành Quyết định số 3875/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 về việc thu hồi thửa đất số 32, tờ bản đồ số 20, thu hồi 483m<sup>2</sup> tại phường M, giao Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố quản lý và tổ chức bán đấu giá theo quy định.

Việc UBND thành phố ban hành Quyết định số 3875/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 về việc thu hồi thửa đất số 32, tờ bản đồ số 20, thu hồi 483m<sup>2</sup> là đúng trình tự, thủ tục.

***\* Trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường M vắng mặt và tại hai văn bản gửi Tòa án có nội dung, cụ thể:***

- Nội dung công văn số 133/UBND ngày 26 tháng 02 năm 2018: Sau khi có quyết định về giải quyết đơn khiếu nại số 2273/QĐ-UBND ngày 27/11/1996 của UBND thành phố thì khu đất nói trên được con, cháu ông Phan Văn N và ông Phan Văn T tiếp tục sản xuất hoa màu, đến năm 2014 thì bỏ hoang, đồng thời diện tích đất này chưa được đưa vào quỹ đất công ích của phường. Toàn bộ diện tích 483,0m<sup>2</sup> tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 20 mà UBND thành phố Đà Nẵng thu hồi tại quyết định số 3875/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 là thửa đất số 132 và 138, tờ bản đồ số 17, phường M, quận S.

- Nội dung công văn số 315/UBND ngày 02 tháng 5 năm 2018: Sau khi có quyết định về giải quyết đơn khiếu nại số 2273/QĐ-UBND ngày 27/11/1996 của UBND thành phố thì khu đất nói trên được con, cháu ông Phan Văn N và ông Phan Văn T tiếp tục sản xuất hoa màu, đến năm 2014 thì bỏ hoang, đồng thời khu đất này từ đó đến nay do Nhà nước quản lý. Toàn bộ diện tích 483,0m<sup>2</sup> tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 20 mà UBND thành phố Đà Nẵng thu hồi tại quyết định số 3875/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 là thửa đất số 132 và 138, tờ bản đồ số 17, phường M, quận S. Văn bản này thay thế cho công văn số 133/UBND ngày 26 tháng 02 năm 2018 của UBND phường M trước đây.

***\* Tại bản trình bày, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà ông Phan Văn K đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của***

***bà Phan Thị C, ông Phan Văn T1, ông Phan Văn T2, bà Phan Thị U trình bày:***

Thông nhất với ý kiến trình bày của người khởi kiện. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố hủy: Quyết định số 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) về việc giải quyết đơn của ông Phan Văn T và ông Nguyễn Hữu L tại tổ 28 phường M; Hủy một phần Quyết định số 3875/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi thửa đất số 32, tờ bản đồ số 20, phường M diện tích 483m<sup>2</sup> đất loại ODT tọa lạc tại tổ 28 phường M;

***\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là các ông Lê Văn A, Nguyễn Hữu L trong quá trình tham gia tố tụng và bà Võ Quốc Phương Nga là người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Vào năm 1993, ông Lê Văn A và ông Nguyễn Hữu L mua chung 01 lô đất của ông Phan Văn T và bà Võ Thị Lê tại tổ 28 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng, mục đích để sau này cho hai con là Nguyễn Hữu L và Lê C Huy Nữ Diễm T lấy nhau sẽ xây dựng nhà ở.

Hai bên thống nhất để ông A thay mặt tham gia mọi giao dịch liên quan đến việc mua bán chuyển nhượng liên hệ với chính quyền địa phương làm các thủ tục hành chính cũng như việc làm móng xây dựng nhà cho ông L và bà T sau này. Mọi chi phí phát sinh mỗi bên chịu một nửa và có quyền một nửa trên thửa đất đã mua.

Ngày 20/11/1993, ông T, bà Lê và các con ông T đã lập Giấy thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất có nội dung đồng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng lô đất có diện tích 309m<sup>2</sup> với diện tích nội vi là 201m<sup>2</sup> cho ông L bà T để xây dựng nhà ở, do đất khô không sản xuất được (sở dĩ giấy chuyển nhượng có tên bà T vì cô T là con gái ông A, ông A là người mua trực tiếp của ông T và bà Lê, mục đích để sau này cho con gái là bà T).

Giấy này chỉ có vợ chồng ông T và các con ký, ông L và bà T chỉ đứng trên giấy tờ, có xác nhận của tổ trưởng tổ 28 phường M, khối trưởng khối Mân lập, tập đoàn sản xuất nông nghiệp phường M, cán bộ địa chính phường M, UBND phường M vào ngày 21/12/1993. Ông A là người đưa tiền với giá 04 lượng vàng.

Ngày 24/12/1993, ông A đã xây dựng móng nhà trên diện tích 210m<sup>2</sup>. Hiện nay móng vẫn còn nguyên trạng. Tuy nhiên việc xây móng này đã gây ra

hiếu nhằm lấn chiếm đất, ông Phan Văn T là con của ông Phan Văn N kiện ông A và ông L ra phường. Việc xây nhà bị dừng lại.

Toàn bộ việc mua bán chuyển nhượng do ông A trực tiếp làm, ông L chỉ đưa tiền chứ không tham gia, không ký tên trên bất kỳ giấy tờ nào, kể cả việc xây móng. Con gái ông A là bà T cũng không biết gì về việc mua bán trên. Sau này ông L và bà T không lấy nhau, bà T không biết gì. Ông A và ông L vẫn quản lý sử dụng chung diện tích đất này.

Do việc hòa giải không thành nên UBND phường đã chuyển đơn của hai ông lên UBND thành phố Đà Nẵng (tỉnh Quảng Nam cũ).

Ngày 27/11/1996, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 2273/QĐ-UBND giao Ban địa chính thành phố lập thủ tục trình UBND tỉnh ra quyết định thu hồi luôn phần đất mà hai bên đang tranh chấp và giao cho UBND thành phố tổ chức khai thác quỹ đất vì cho rằng ông Phan Văn T tự ý bán đất nông nghiệp do Tập đoàn sản xuất nông nghiệp giao khoán, thế nhưng trên thực tế ông A và ông L vẫn là người sử dụng liên tục diện tích đất này, không có bất kỳ cơ quan nào thu hồi hay ngăn chặn ông A và ông L sử dụng. Do nhu cầu về nhà ở và nhận thấy các hộ dân sinh sống cùng thời điểm quanh khu đất đều được cấp giấy chứng nhận và làm nhà ở trên đất nên hai ông đã làm đơn gửi UBND quận S xin cấp giấy chứng nhận. UBND quận S đã có báo cáo 199/BC-UBND ngày 24/10/2014 đề xuất đối với diện tích đất không nằm trong quy hoạch thì cấp giấy chứng nhận nhưng không hiểu sao đến nay, khi nhận được thông báo thụ lý của Tòa án hai ông mới biết toàn bộ phần đất trên đã bị UBND thành phố Đà Nẵng thu hồi tại Quyết định số 3875/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng tổ chức bán đấu giá mà không cấp giấy cho ông. Việc thu hồi của UBND thành phố là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông A và ông L.

Ngày 08/5/2019, ông A và ông L có đơn yêu cầu độc lập với nội dung yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng hủy Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 27/11/1996 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) về việc giải quyết đơn của ông Phan Văn T và ông Nguyễn Hữu L tại tổ 28 phường M; Hủy một phần Quyết định số 3875/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và hủy Quyết định số 8316/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2013 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Ngày 14/5/2019, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ban hành Thông báo số 01B/2019/TLST-HC về việc thụ lý bổ sung yêu cầu độc lập của ông Lê Văn A và ông Nguyễn Hữu L.

Tại phiên tòa, xin rút yêu cầu hủy Quyết định số 2273/QĐ-UB ngày 27 tháng 11 năm 1996 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) về việc giải quyết đơn của ông Phan Văn T và đơn của ông Nguyễn Hữu L đối với nội dung liên quan đến việc giải quyết 112m<sup>2</sup> đất đã chuyển nhượng cho ông Đặng Văn R và rút yêu cầu hủy Quyết định số 8316/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2013 của UBND thành phố Đà Nẵng.

***\* Tại bản tự khai gửi cho Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn T, bà Phan Thị L, bà Phan Thị T, ông Phan Văn C, bà Phan Thị T, bà Phan Thị B trình bày:***

Nguyên trước đây vào năm 1990 cha của ông bà là ông Phan Văn T có bán một mảnh đất cho ông Lê Văn A và ông Nguyễn Hữu L 210m<sup>2</sup> trong tổng số 309m<sup>2</sup> đất. Quá trình hai bên tranh chấp giữa gia đình ông Phan Văn T và ông L, ông A từ trước năm 1996 dẫn đến các quyết định giải quyết khiếu nại và thu hồi đất của nhà nước thì các ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Còn lại 99m<sup>2</sup> đất của gia đình ông bà (cha ông bà mất để lại) để ông bà tự giải quyết nội bộ.

***\* Tại bản tự khai gửi cho Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân T, bà Phan Nguyễn Thúy Q, bà Phan Nguyễn Thị Thùy T, ông Nguyễn Hữu V, bà Huỳnh Thị N trình bày:***

Ông bà là những người nhận chuyển nhượng đất và sinh sống tại đây, khi nhận chuyển nhượng thì phía trước nhà đã có lối mòn, gia đình ông bà đã sử dụng và đổ đường bê tông trên lối đi đã có sẵn. Ông bà yêu cầu Tòa án giữ nguyên lối đi đã có sẵn để hộ gia đình ông bà sử dụng như từ trước đến nay. Ngoài ra sự việc tranh chấp kiện tụng giữa gia đình ông Phan Văn T, ông Lê Văn A và ông Nguyễn Hữu L với Ủy ban nhân dân các cấp các ông, bà không biết cũng như không có liên quan.

***\* Tại bản tự khai gửi cho Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N trình bày:***

Trước đây bà thấy đất chưa sản xuất nên trồng rau khoai trên mảnh đất này. Sau này khi nhà nước thu hồi mảnh đất này đã hỗ trợ cho bà 300.000 đồng tiền hoa màu trên đất. Còn sự việc tranh chấp kiện tụng giữa gia đình ông Phan

Văn T, ông Lê Văn A và ông Nguyễn Hữu L với Ủy ban nhân dân các cấp bà không biết cũng như không có liên quan.

***\* Tại bản tự khai gửi cho Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn R trình bày:***

Trước đây ông có nhận chuyển nhượng thực tế là trả tiền khai hoang với diện tích là 112m<sup>2</sup> do ông Phan Văn N khai hoang phát bụi tre. Gia đình ông đã xây dựng nhà cửa trên đất này từ khi nhận chuyển nhượng đến nay. Sự việc tranh chấp kiện tụng giữa gia đình ông Phan Văn T, ông Lê Văn A và ông Nguyễn Hữu L với Ủy ban nhân dân các cấp ông không biết cũng như không có liên quan.

***Tại bản án hành chính sơ thẩm số 36/2019/HC-ST ngày 26/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:***

Căn cứ các Điều 61, 62, 63, 64, 65 và Điều 66 Luật đất đai 2013; các Điều 30, 32, 158, 173, 193, 204 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTWQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Tuyên:**

**1. Đình chỉ xét xử:**

- Đối với yêu cầu hủy Quyết định số: 8315/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 và Quyết định số: 8316/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất tổ chức, giao cho Ban Quản lý dự án công trình đường Bạch Đằng Đông để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Lô B1 và B2 Khu phố chợ M, quận S.

- Đối với một phần yêu cầu hủy Quyết định số: 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) về việc giải quyết đơn của ông Phan Văn T và đơn của ông Nguyễn Hữu L đối với nội dung liên quan đến việc giải quyết 112m<sup>2</sup> đất đã chuyển nhượng cho ông Đặng Văn R.

**2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T về việc hủy một phần Quyết định 3875 và yêu cầu độc lập của ông Lê Văn A, ông Nguyễn Hữu L về việc hủy một phần Quyết định 3875.**

Hủy Quyết định số 3875/2016/QĐ-UB ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất tại khu vực tổ 28, phường M, quận S giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố quản lý và tổ chức đấu giá theo quy định.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T, yêu cầu độc lập của ông Lê Văn A và ông Nguyễn Hữu L đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) về việc giải quyết đơn của ông Phan Văn T và đơn của ông Nguyễn Hữu L (phần liên quan đến diện tích đất tranh chấp có khiếu nại).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/12/2019, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng kháng cáo một phần B án hành chính sơ thẩm số 36/2019/HC-ST ngày 26/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Lý do của việc kháng cáo, ông Huỳnh Đức Thơ – Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng cho rằng: Phần đất ông Phan Văn T khởi kiện trước đây là đất nông nghiệp, do tập đoàn sản xuất M quản lý và giao khoán cho các hộ sử dụng. Năm 1996 giữa ông Phan Văn T với ông Nguyễn Hữu L tranh chấp, UBND thành phố Đà Nẵng(cũ) giải quyết ban hành Quyết định 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996, nội dung: Không chấp nhận đơn khiếu nại tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Phan Văn T và ông Nguyễn Hữu L đối với lô đất nông nghiệp do tập đoàn sản xuất nông nghiệp phường quản lý và giao khoán diện tích 763m<sup>2</sup>, tại tổ 28, phường M. Giao Ban địa chính thành phố lập thủ tục trình UBND tỉnh ra quyết định thu hồi lô đất có diện tích 651m<sup>2</sup> và giao cho UBND thành phố tổ chức khai thác quỹ đất. Quyết định nói trên đã có hiệu lực pháp luật, sau khi Tập đoàn sản xuất M giải thể, đất trên do UBND phường M quản lý, việc ông Phan Văn N và ông Phan Văn T đăng ký, kê khai (Theo Chỉ thị 299/Ttg) đối với các thửa đất nêu trên là không đúng quy định. Do vậy, Quyết định số 3875/2016/QĐ-UB ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất tại khu vực tổ 28, phường M, quận S, giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố quản lý và tổ chức đấu giá theo quy định là có cơ sở. Ông Thơ yêu cầu, bao gồm:

1. Giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.
2. Hủy nội dung điểm 2 B án hành chính sơ thẩm số 36/2019/HC-ST ngày 26/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.
3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T về việc hủy Quyết định số 3875/2016/QĐ-UB ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất tại khu vực tổ 28, phường M, quận S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Đức Thơ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, giữ nguyên kháng cáo.



Người khởi kiện ông Phan Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lê Văn A và ông Nguyễn Hữu L trình bày ý kiến như sau: Đề nghị bác đơn kháng cáo của ông Huỳnh Đức Thơ, giữ nguyên B án hành chính sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Việc vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng họ không có đơn kháng cáo, không có văn bản trình bày ý kiến và đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử đối với vụ án.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của ông Huỳnh Đức Thơ – Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng, giữ nguyên B án hành chính sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Xem xét kháng cáo của ông Huỳnh Đức Thơ - Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng, xét thấy:

[1]. Nguồn gốc thửa đất bị thu hồi: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy: Nguyên nguồn gốc thửa đất, trước năm 1975 là do gia đình ông Phan Văn N và ông Phan Văn T khai phá, quản lý, sử dụng qua nhiều đời. Sau năm 1975 diện tích thửa đất còn lại 682m<sup>2</sup>. Ông N và ông T tự phân chia sử dụng, ông N sử dụng 373m<sup>2</sup>, ông T sử dụng 309m<sup>2</sup>. Quá trình sử dụng ông N có khai phá thêm 112m<sup>2</sup> và có đăng ký đất đai theo Chỉ thị 299/Ttg. Năm 1993 ông N chuyển nhượng cho ông Đặng Văn R 112m<sup>2</sup>, có tổ dân phố 28, chủ nhiệm tập đoàn sản xuất M và UBND phường M đồng ý. Đối với phần đất của ông Phan Văn T năm 1993, ông T có chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Hữu L 210m<sup>2</sup> cũng có các người làm chứng, tổ trưởng dân phố 28, cán bộ địa chính, tập đoàn sản xuất và UBND phường M xác nhận, đóng dấu. Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính thuế đất nông nghiệp cũng được ông N (chết năm 1995), bà Đất (chết năm 2009) nộp thuế từ năm 1977 đến năm 1997. Năm 1994, do ông L coi nói, chiếm sang hơn 100m<sup>2</sup> nên anh em ông Phan Văn T có đơn khiếu nại. UBND phường M giải quyết buộc ông L tháo dỡ hàng rào, xây dựng trái phép nhưng ông L không chấp hành. Sau đó UBND thành phố Đà Nẵng (cũ) đã ban

hành Quyết định số: 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông T với ông L.

Còn theo kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng cho rằng, nguồn gốc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 20, diện tích 483m<sup>2</sup>, trước đây do Tập đoàn sản xuất phường M quản lý và giao khoán cho các hộ sử dụng. Vào năm 1996 giữa ông Phan Văn T với ông Nguyễn Hữu L có sự tranh chấp, UBND thành phố Đà Nẵng (cũ) giải quyết và ban hành Quyết định 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996. Nội dung quyết định như sau: *“Điều 1: Không chấp nhận đơn khiếu nại tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Phan Văn T và ông Nguyễn Hữu L đối với lô đất nông nghiệp do tập đoàn sản xuất nông nghiệp phường quản lý và giao khoán diện tích 763m<sup>2</sup> tại tổ 28 phường M.*

*Điều 2: Giao Ban địa chính thành phố lập thủ tục trình UBND tỉnh ra quyết định thu hồi lô đất có diện tích 651m<sup>2</sup> và giao cho UBND thành phố tổ chức khai thác quỹ đất”.*

Quyết định số 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996 của UBND thành phố Đà Nẵng (cũ) là quyết định hành chính đã có hiệu lực pháp luật, do vậy, UBND thành phố Đà Nẵng hiện nay ban hành quyết định số: 3875/QĐ-UBND ngày 16/6/2016, về việc thu hồi thửa đất số 32, tờ bản đồ số 20 diện tích 483m<sup>2</sup> phường M để giao Trung tâm phát triển quỹ đất quản lý và tổ chức bán đấu giá là nhằm thực hiện Quyết định số 2273/QĐ-UB, đúng quy định tại Điều 66 luật đất đai năm 2013.

[2]. Xem xét Quyết định 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996 thấy rằng: Xuất phát từ việc tranh chấp đất đai giữa các ông Phan Văn T, Phan Văn T1 với ông Nguyễn Hữu L, sau khi hòa giải tại UBND phường M không thành, UBND thành phố Đà Nẵng trước đây đã giải quyết và ban hành Quyết định 2273/QĐ-UB, để giải quyết đơn tranh chấp đất đai giữa ông Phan Văn T với ông Nguyễn Hữu L, tại tổ 28, phường M. Xem xét về hình thức: Quyết định số 2273/QĐ-UB là quyết định hành chính của UBND thành phố Đà Nẵng trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp đất đai, được UBND thành phố Đà Nẵng (cũ) ban hành theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 38 Luật đất đai 1993 là đúng thẩm quyền do pháp luật quy định. Tuy nhiên, xuất phát từ việc tranh chấp nên mục đích việc ban hành quyết định là chỉ để giải quyết tranh chấp đất đai giữa các bên, không phải là quyết định thu hồi đất, trường hợp thu hồi đất thì phải thực hiện theo điều kiện tại Điều 2 của quyết định. Sau đó, ngày 04/12/1996 ông Phan Văn T có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 2273/QĐ-UB (Bút lục 111) nhưng

UBND thành phố Đà Nẵng (cũ) đã không giải quyết khiếu nại của ông T theo quy định của Pháp lệnh giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 1991 và Nghị định số 38/NĐ-CP ngày 28/01/1992 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Pháp lệnh giải quyết khiếu nại, tố cáo. Do vậy, việc ông Thơ xác định Quyết định 2273/QĐ-UB đã có hiệu lực pháp luật là chưa có căn cứ.

Xem xét nội dung Quyết định 2273/QĐ-UB thấy rằng: Tại phần *kết quả thẩm tra xác minh* của Quyết định 2273/QĐ-UB đã xác định rõ về nguồn gốc của thửa đất, quá trình sử dụng và quan hệ tranh chấp giữa ông T đối với ông L và kết quả giải quyết của phường M (công nhận đất của hai bên, nhưng đang tranh chấp), tại phần *“xét thấy”* của Quyết định 2273/QĐ-UB có nêu: *“Việc ông Phan Văn T và ông Phan Văn N tự ý bán đất nông nghiệp do tập đoàn sản xuất Nhà nước giao khoán cho hai ông để sản xuất là vi phạm điều luật đất đai hiện hành”*. Nội dung nhận định này là không đúng, bởi lẽ, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì việc ông N, ông T chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Hữu L (200m<sup>2</sup>) và chuyển nhượng cho ông Đặng Văn R 112m<sup>2</sup> đất, đều có tổ dân phố 28, chủ nhiệm Tập đoàn sản xuất nông nghiệp M và lãnh đạo UBND phường M đồng ý và xác nhận vào giấy chuyển nhượng đất. Như vậy, thông qua việc chuyển nhượng đất vào năm 1993, chứng tỏ ông N và ông T có quyền sử dụng đất, việc chuyển nhượng đất nêu trên không trái pháp luật như UBND thành phố Đà Nẵng đã nêu trong Quyết định 2273/QĐ-UB.

Tại Điều 2 của Quyết định 2273/QĐ-UB nêu: *“Giao ban địa chính thành phố lập thủ tục trình UBND tỉnh ra quyết định thu hồi lô đất có diện tích 651m<sup>2</sup> và giao cho UBND thành phố tổ chức khai thác quỹ đất”*. Nhưng cả một quá trình rất dài từ năm 1996 đến năm 2015, nội dung này không được UBND thành phố Đà Nẵng tổ chức thực hiện, đã qua 3 thời kỳ thay đổi luật (Luật đất đai năm 1993, Luật đất đai năm 2003 và Luật đất đai năm 2013) trong lúc gia đình ông N, ông T và con cái của họ đã thay nhau sử dụng thửa đất liên tục, ổn định hơn 19 năm, UBND phường M cũng không thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đất đai theo quy định của pháp luật. Mặt khác, các chế định, điều kiện việc thu hồi đất đai hiện nay cũng đã được bổ sung, thay đổi về cơ bản so với Luật đất đai năm 1993. Như phân tích nêu trên, không thể căn cứ vào Quyết định số: 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996 của UBND thành phố Đà Nẵng (cũ) để ban hành các quyết định hành chính nhằm thực hiện các nội dung của quyết định đó trong điều kiện hiện nay được.

Việc Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng cho rằng: Ông Phan Văn N (bố của ông Phan Văn T chết ngày 04/3/1995) và ông Phan Văn T (chết năm 2005), ông N đứng tên kê khai thửa đất số 138, tờ bản đồ số 17 diện tích 311m<sup>2</sup> và ông T kê khai thửa 132, tờ bản đồ số 17 diện tích 339,9m<sup>2</sup> là không đúng quy định. Xét thấy: Tập đoàn sản xuất M chỉ quản lý trên phương diện theo dõi đất đai đã giao cho hộ gia đình sử dụng, thu các nghĩa vụ tài chính đối với hộ gia đình sử dụng đất. Diện tích đất nêu trên cũng chưa thực hiện phân chia quyền sử dụng đất cho người khác. Sau khi giải thể Tập đoàn thì không có tài liệu chứng cứ gì bàn giao thửa đất nói trên cho UBND phường M. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Tờ trình ngày 08/12/1994 do ông Nguyễn Điềm là Chủ nhiệm Tập đoàn sản xuất nông nghiệp M đã xác định ông N, ông T sử dụng đất và đã đăng ký theo chỉ thị 299/Ttg. Xác minh tại ông Phan Văn Cư nguyên phó chủ nhiệm tập đoàn sản xuất nông nghiệp M, cũng như xem “Sổ nông nghiệp gia đình” số 108, tờ khai số 03A/TNN về diện tích canh tác của hộ gia đình, đã chứng minh ông N, ông T đã thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất, xét về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng và chuyển nhượng của họ như đã nêu trên, việc đăng ký đất đai của ông N, ông T là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xem xét quyết định số: 3875/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại các tờ trình, báo cáo và chủ trương của UBND quận S, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng, cũng như đơn kháng cáo của UBND thành phố Đà Nẵng đều dựa trên cơ sở Quyết định 2273/QĐ-UB để tham mưu và ban hành quyết định số: 3875/QĐ-UBND để thu hồi đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 20, diện tích 483m<sup>2</sup>. Như đã phân tích ở trên, do Quyết định hành chính bị khiếu nại nhưng chưa được giải quyết khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật, căn cứ pháp lý và các chế định của Luật đất đai năm 2013 đã được thay đổi cơ bản so với Luật đất đai năm 1993, điều kiện thu hồi đất, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất phải đảm bảo tuân thủ theo quy định tại các Điều 61 đến Điều 65 luật đất đai năm 2013. Tập đoàn sản xuất nông nghiệp M đã không còn tồn tại, không có tài liệu quản lý, chuyển giao đất đai của Tập đoàn sản xuất M cho UBND phường M quản lý theo quy định của pháp luật, các hộ dân sử dụng đất ổn định và có đăng ký, kê khai, theo hồ sơ địa chính cũng đã xác định loại đất ở. UBND phường M từ trước đến nay không có quy hoạch, kế hoạch sử dụng và không thực hiện quản lý Nhà nước về đất đai đối với thửa đất, Quyết định số: 3875/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 đã căn cứ vào Luật đất đai năm 2013 để thực hiện quyết định hành

chính ban hành năm 1996 là không có cơ sở pháp lý, thu hồi đất không đúng đối tượng, xác định thẩm quyền thu hồi đất không chính xác. Xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Văn T, ông Lê Văn A và ông Nguyễn Hữu L.

Từ các nhận định nêu trên xét thấy, tại B án hành chính sơ thẩm số 36/2019/HC-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T, ông Lê Văn A, ông Nguyễn Hữu L hủy Quyết định số: 3875/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng hiện nay là có cơ sở. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng, giữ nguyên B án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Do không được chấp nhận kháng cáo nên Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các nội dung khác của B án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

*Vì các lẽ nêu trên,*

#### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng, giữ nguyên B án hành chính sơ thẩm số 36/2019/HC-ST ngày 26-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ: Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, Áp dụng Điều 48, 49 Luật đất đai năm 1987; Điều 13, 38, 73 Luật đất đai năm 1993; các Điều 61, 62, 63, 64, 65, 66, 166, 167 Luật đất đai năm 2013;

#### **Xử:**

##### **1. Đình chỉ xét xử:**

- Đối với yêu cầu hủy Quyết định số: 8315/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 và Quyết định số: 8316/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất tổ chức, giao cho Ban Quản lý dự án công trình đường Bạch Đằng Đông để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Lô B1 và B2 Khu phố chợ M, quận S.

- Đối với một phần yêu cầu hủy Quyết định số: 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) về việc giải quyết đơn của ông Phan Văn T và đơn của ông Nguyễn Hữu L đối với nội dung liên quan đến việc giải quyết 112m<sup>2</sup> đất đã chuyển nhượng cho ông Đặng Văn R.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T và yêu cầu độc lập của ông Lê Văn A, ông Nguyễn Hữu L. Hủy Quyết định số 3875/2016/QĐ-UB ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc *“Thu hồi đất tại khu vực tổ 28, phường M, quận S giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố quản lý và tổ chức đấu giá theo quy định”*.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T, yêu cầu độc lập của ông Lê Văn A và ông Nguyễn Hữu L đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 2273/QĐ-UB ngày 27/11/1996 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) về việc: *“Giải quyết đơn của ông Phan Văn T và đơn của ông Nguyễn Hữu L”* (phần liên quan đến diện tích đất tranh chấp có khiếu nại).

Áp dụng: Điều 34, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng đã nộp đủ tại Biên lai số: 0002560, ngày 20/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

B án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Công Thi**